

BẢNG GIÁ

Thiết bị điều khiển



Autonics

04/2021



THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH		MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT) 2020	KÍCH THƯỚC	Kiểu	INPUT	OUTPUT	
BỘ ĐẾM - COUNTER									
1		FS4-1P4 (Mã cũ FS4A)	1,764,000	48 x 48	Đồng hồ cơ 4 số	NPN	Relay		
2			FX4S-1P4 (Mã cũ FX4S)			1,776,000		NPN/PNP	
3			FS5-I4 (Mã cũ FS5B)		1,203,000	NPN			
4			FS4-1P4	FX4H-2P	FX4M-1P4 (Mã cũ FX4)	2,208,000		72 x 72	Đồng hồ cơ 4 số
5	FX4H-2P4 (Mã cũ FX4H-2P)	2,929,000			48 x 96				
6		FX6M-1P4 (Mã cũ FX6)	2,496,000	72 x 72	Đồng hồ cơ 6 số	NPN	Relay		
7			FX6M-2P4 (Mã cũ FX6-2P)				3,265,000	2 ngõ Relay	
8			FX4YI	F4AM	FX4Y-I4 (Mã cũ FX4YI)		1,512,500	72 x 36	Hiện thị 4 số
9	FX6Y-I4 (Mã cũ FX6YI)	1,609,000			Hiện thị 6 số				
10	FM4M-1P4 (Mã cũ F4AM)	2,857,000			72 x 72	Bộ đếm chuyên dùng đo chiều dài			
11	FM6M-1P4 (Mã cũ F6AM)	3,097,000							
32			L6AM-2P	4,480,000	144 x 72	Hiện thị 6 số	NPN/PNP	2 ngõ Relay	
12		CT4S-1P4	1,512,000	48 x 48	Hiện thị 4 số	Relay/ Transistor			
13		CT4S-2P4	1,824,000			2 ngõ Relay/ Transistor			
14		CT6S-1P4	1,609,000		72 x 72	Hiện thị 6 số		NPN/PNP	Relay/ Transistor
15		CT6S-2P4	1,944,000	2 ngõ Relay/ Transistor					
16		CT6S-I4	1,352,000	chỉ hiển thị					
17		CT6M-2P	CT6M-1P4	1,993,000			Relay/ Transistor		
18	CT6M-2P4		2,329,000	2 ngõ Relay/ Transistor					
19	CT6M-I4		1,680,000	chỉ hiển thị					
20	CT6M-1P4T		2,619,000	Relay/ Transistor					
21	CT6Y-1P4	CT6M-2P4T	2,933,000	72 x 36			Chỉ hiển thị		2 ngõ NPN/PNP
22		CT6Y-1P4	1,609,000		Relay/ Transistor				
23		CT6Y-2P4	1,944,000		2 ngõ Relay/ Transistor				
24			CT6Y-I4	1,352,000				Loại chỉ hiển thị	
25		LA8N-BN	724,000	48 x 24	LCD Hiện thị 8 số	Ngõ vào không điện áp, có pin nuôi			
26		LA8N-BF	773,000			Ngõ vào 24-240VAC/6-24VDC, có pin nuôi			
27		PGB48-W	23,000	48 x 48	Chụp nhựa cho đồng hồ kích thước 48x48				
28		PG08	46,000	8 chân	Chân để gắn mặt tủ 8 chân tròn				
29		PS08	70,000		Chân để gắn thanh ray 8 chân tròn				
30		PG11	70,000	11 chân	Chân để gắn mặt tủ 11 chân tròn				
31		PS11	93,000		Chân để gắn thanh ray 11 chân tròn				

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT) 2020	KÍCH THƯỚC	KIỂU	INPUT	OUTPUT	
BỘ ĐỊNH THỜI - TIMER (Digital)								
33	 FS4E-1P4	FS4E-1P4 (Mã cũ FS4E)	1,804,000	48 x 48	Đồng hồ cơ 4 số		Relay	
34		LE3S	1,371,000		Đồng hồ cơ, hiển thị LCD		2 ngõ Relay	
35		LE3SA	1,321,000					
36		LE3SB	1,321,000		Màn hình LCD		Relay	
37		LE4S	1,466,000					
38		LE4SA	1,466,000					
39	LE7M-2	LE7M-2	2,028,000	72 x 72	LCD, đồng hồ thời gian thực cho 7 ngày/ tuần			
BỘ ĐỊNH THỜI - TIMER (Analog)								
40	 AT8N	AT8N	476,000	48 x 48	Bộ định thời loại núm vặn (analog)	8 chân, chỉnh ngưỡng thời gian: giờ, phút, giây		
41		AT8PMN	629,000			Loại Off Delay, ngưỡng thời gian: 10 phút		
42		AT8PSN	629,000			Loại Off Delay, ngưỡng thời gian: 10 giây		
43		AT8SDN	476,000			Loại Timer chuyển đổi sao tam giác		
44		AT11DN	476,000			11 chân, chỉnh ngưỡng thời gian: giờ, phút, giây		
45		ATE8-41 (Mã cũ ATE-)	310,000			Loại On-delay, ngưỡng 1S/ 10S/ 1W 10W 1H		
46	 LE8N	ATE8-43 (Mã cũ ATE-)	310,000	48 x 24	Bộ định thời điện tử	Loại On-delay, ngưỡng 3S/ 30S/ 3W 30W 3H		
47		ATE8-46 (Mã cũ ATE-)	310,000			Loại On-delay, ngưỡng 6s/ 60S/ 6W 60W 6H		
48		LE8N-BN	782,000			Ngõ vào không điện áp, có pin nuôi		
49		LE8N-BF	914,000			Ngõ vào 24-240VAC/6-24VDC, có pin nuôi		
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (Digital)								
49	 TC3YF TD4L	TC3YF-14R-NTC	724,000	72 x 36	Điều khiển lạnh	đầu dò NTC	Relay	
50		TC3YF-14R-RTD	724,000			đầu dò RTD (PT100)		
51		TC3YF-34R-NTC	948,000			đầu dò NTC	3 ngõ Relay	
52		TC3YF-34R-RTD	948,000			đầu dò RTD (PT100)	Relay	
53	 TD4SP TD4M	T3NI-	905,000	48 x 24	Đồng hồ hiển thị nhiệt, nguồn cấp 12-24VDC			
54		TD4SP-N4R	1,517,000	48 x 48	Phím cơ	K/ PT100/ J	Relay/SSR/4-20mA	
55		TD4M-14R/S/C	1,713,000	72 x 72			Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo	
56		TD4M-N4R/S/C	1,640,000				Relay/SSR/4-20mA	
57		TD4L-14R/C	1,835,000	96 x 96			Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo	
58		TD4L-24R/C	1,885,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo	
59	 T3S T4YI	TD4H-14R/C	1,762,000	48 x 96		K/ PT100/ J (chọn theo mã)	Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo	
60		TD4H-24R/C	1,835,000	49 x 96			Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo	
61		T3S-	1,664,000	48 x 48			Relay/SSR/4-20mA	
62		T3H-	1,910,000	48 x 96				
63	T3HA-	2,130,000						
64	 T4YI T4WM	T4YI-	1,249,000	72 x 36	Đồng hồ hiển thị nhiệt			
65		T4WI-	1,249,000	96 x 48	Hiện thị 5 kênh đầu dò, K(CA) hoặc Pt100			
66		T4WM-	2,301,000					
67		 T4M T4L	T4M-	1,786,000	72 x 72	Phím cơ	K/ PT100/ J (chọn theo mã)	Relay/SSR/4-20mA
68	T4MA-		2,130,000	Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo				
69	T4L-		2,130,000	96 x 96	Relay/SSR/4-20mA			
70	T4LA-		2,497,000		Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo			
71		T4LP-	2,571,000				R/SSR	

THIẾT BỊ ĐIỆN

ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPERATURE CONTROLLER (Analog)

72		TAS-B4RK4C (Mã cũ TOS-)	628,100	48 x 48	Núm vặn, 0~100, 200, 400, đầu dò : K(CA)/ RTD
73		TAS-B4RP4C (Mã cũ TOS-)	628,000		
74		TAM- (Mã cũ TAS-)	782,000	72 x 72	
75		TAL- (Mã cũ TAL-)	782,000	96 x 96	

BỘ CHUYỂN ĐỔI NHIỆT ĐỘ - ĐỘ ẨM - TEMPERATURE/ HUMIDITY CONTROLLER

76		THD-R-C,V	2,791,000	W60XH80X 33.5mm	Lắp trong phòng. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC
77		THD-R-T	3,182,000		Lắp trong phòng. Truyền thông RS 485
78		THD-D1-C,V	3,771,000	W72XH85X 34mm	Lắp đường ống, dài 100mm. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC
79		THD-D1-T	3,967,000		Lắp đường ống, dài 100mm. Truyền thông RS485
80		THD-D2-C,V	3,771,000		Lắp đường ống, dài 200mm. C ngõ ra 4-20mA, V ngõ ra 1-5VDC
81		THD-D2-T	3,967,000		Lắp đường ống, dài 200mm. Truyền thông RS485

BỘ ĐIỀU KHIỂN NGUỒN

82		SPC1-35	1,506,000	100- 240VAC	Input: 1-5VDC, 4-20A, VR 1 KOhm, dòng tải 35A
83		SPC1-50	1,902,000		Input: 1-5VDC, 4-20A, VR 1 KOhm, dòng tải 50A

BỘ CHUYỂN TÍN HIỆU TỪ RS 232 SANG RS 485

84		SCM-38I	2,034,000	12-24VDC	Bộ chuyển đổi RS 232 sang RS 485
----	--	---------	-----------	----------	----------------------------------

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT) 2020	KÍCH THƯỚC	KIỂU	INPUT	OUTPUT
-----	----------	---------	------------------------------	---------------	------	-------	--------

ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPURATURE CONTROLLER (PID)

85		TZN4S-14R,C,S	1,910,000	48 x 48	On/Off-PID	Multi Input	Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo
86		TZ4ST-14R,C,S	1,910,000				
87		TZ4ST-24R,C,S	2,081,000				
88	TZN4S	TZN4M-14R,C,S	2,252,000	72 x 72			Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo
89		TZN4M-24R,C,S	2,375,000				Relay/SSR/4-20mA 1 Cảnh báo
90		TZN4M-A4R,C,S	2,497,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo
91		TZN4M-B4R,C,S	2,619,000				Relay/SSR/4-20mA Trans 4-20mA
92		TZN4H-14R,C,S	2,325,000	Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo			
93		TZN4H-24R,C,S	2,399,000	96 x 48			Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo
94		TZN4W-14R,C,S	2,325,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo
95		TZN4W-24R,C,S	2,399,000				Relay/SSR/4-20mA Trans 4-20mA
96		TZN4W-A4R,C,S	2,497,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo
97		TZN4L-14R,C,S	2,399,000	96 x 96			Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo
98		TZN4L-24R,C,S	2,521,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo
99		TZN4L-A4R,C,S	2,619,000				Relay/SSR/4-20mA Trans 4-20mA 2 cảnh báo

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT) 2020	KÍCH THƯỚC	Kiểu	INPUT	OUTPUT		
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPURATURE CONTROLLER (PID)									
100		TZ4H-14R,C,S	2,325,000	48 x 96	On/Off-PID	Multi Input	Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo		
101		TZ4H-24R,C,S	2,399,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo		
102		TZ4L-14R,C,S	2,399,000	96 x 96			Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo		
103		TZ4L-24R,C,S	2,521,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo		
104	TZ4L-A4R,C,S	2,619,000	Relay/SSR/4-20mA Trans 4-20mA						
105		TZ4M-14R,C,S	2,325,000	72 x 72			Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo		
106		TZ4M-24R,C,S	2,375,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo		
107		TZ4M-A4R,C,S	2,497,000				Relay/SSR/4-20mA Trans 4-20mA		
108		TZ4M-B4R,C,S	2,619,000				Relay/SSR/4-20mAurrent RS485		
109		TZ4W-14R,C,S	2,325,400	96 x 48			Relay/SSR/4-20mA 1 cảnh báo		
110		TZ4W-24R,C,S	2,399,000				Relay/SSR/4-20mA 2 cảnh báo		
111		TZ4W-A4R,C,S	2,497,000				Relay/SSR/4-20mA Trans. 4-20mA		
112		TB42-14R,C,S	2,130,000				R/ SSR/ Current		
113		TC4S-14R	989,000	48 X 48		K+PT100+J	Relay + SSR		
114		TC4S-24R	1,013,000				Relay + SSR,2 cảnh báo 1 dòng LED		
115		TC4M-14R	1,088,000	72 X 72			Relay + SSR, 1 cảnh báo 1 dòng LED		
116		TC4M-24R	1,136,000				Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED		
117		TC4H-14R	1,088,000	48 X 96			Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED		
118		TC4H-24R	1,136,000				Relay + SSR, 1 cảnh báo 1 dòng LED		
119	TC4	TC4W-14R	1,088,000	96 X 48			Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED		
120		TC4W-24R	1,136,000	96 X 96			Relay + SSR, 1 cảnh báo 1 dòng LED		
121		TC4L-14R	1,088,000				Relay + SSR, 2 cảnh báo 1 dòng LED		

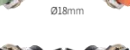
THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT) 2020	KÍCH THƯỚC	KIỂU	INPUT	OUTPUT	
ĐIỀU KHIỂN NHIỆT ĐỘ - TEMPURATURE CONTROLLER (PID)								
122		TCN4S-24R	1,200,000	48 X 48	On/Off-PID	Multi Input	Ngõ ra relay 2 ngõ ra cảnh báo	
123		TCN4M-24R	1,346,000	72 X 72				
124		TCN4H-24R	1,346,000	48 X 96				
125		TCN4L-24R	1,346,000	96 X 96				
126		TK4S	TK4S-14RR	1,812,000			48 X 48	2 ngõ Relay 1 cảnh báo
127			TK4S-B4RR	2,400,000				2 ngõ Relay 2 cảnh báo RS485
128		TK4S-14RN	1,616,000	96 X 96			Relay	
129		TK4S-14CN	1,616,000	48 X 48			4-20mA +SSR 1 cảnh báo	
130		TK4S-14SN	1,616,000				SSR 1 cảnh báo	
131		TK4S-14RC	1,812,000				2 ngõ Relay 4-20mA+SSR	
132		TK4S-14SR	1,812,000				2 ngõ SSR Relay, 1 cảnh báo	
133		TK4S-14CC	1,812,000				2 ngõ 4-20mA+ SSR 1 cảnh báo	
134		TK4S-24SN	1,762,000				SSR, 2 cảnh báo	
135		TK4S-24RN	1,762,000				SSR, 2 cảnh báo	
136		TK4S-B4CC	2,399,000				2 ngõ 4-20mA + SSR 2 cảnh báo, RS485	
137		TK4S-B4CR	2,399,000				2 ngõ 4-20mA + SSR Relay, 2 cảnh báo, RS485	
138			TK4S-T4CR				2,179,000	2 ngõ 4-20mA, Relay, 1 cảnh báo, RS485
139			TK4S-T4SC				2,179,000	2 ngõ SSR, 4-20mA + SSR , 1 cảnh báo, RS485
140			TK4SP-14CC				1,714,000	2 ngõ 4-20mA + SSR, 1 cảnh báo, 11 chân tròn
141	TK4ST		TK4M-14RN	1,983,000			72 X 72	Relay, 1 cảnh báo
142		TK4M-14RR	2,277,000	2 ngõ Relay,1 cảnh báo				
143		TK4M-B4RN	2,571,000	Relay , 2 cảnh báo, RS485				
144		TK4M-24RN	2,179,000	Relay, 2 cảnh báo				
145		TK4M-24RR	2,449,000	48 X 96			2 ngõ Relay, 2 cảnh báo	
146		TK4H-14RN	1,983,000				Relay, 1 cảnh báo	
147		TK4H-24RN	2,179,000				Relay, 2 cảnh báo	
148		TK4W-14CN	1,983,000				4-20mA +SSR , 1 cảnh báo	
149	TK4M	TK4W-14RN	1,983,000	96 X 48			Relay, 1 cảnh báo	
150		TK4W-24RR	2,449,000				2 ngõ Relay, 2 cảnh báo	
151		TK4L-14CN	1,983,000				4-20mA, 1 cảnh báo	
152		TK4L-14RN	1,983,000	96 X 96			Relay, 1 cảnh báo	
153		TK4L-14CC	2,300,000				2 ngõ 4-20mA + SSR 1 cảnh báo	
154		TK4L-14CR	2,277,000				2 ngõ 4-20mA + SSR Relay , 1 cảnh báo	
155		TK4L-A4CC	2,720,000				2 ngõ 4-20mA+SSR 2 cảnh báo, Trans 4-20mA	
156		TK4L-24RN	2,179,000				1 ngõ Relay, 2 cảnh báo	
157		TK4L-24RR	2,449,000				2 ngõ Relay , 2 cảnh báo	
158		TK4L-T4CR	2,720,000				2 ngõ 4-20mA + SSR Relay, 1 cảnh báo, RS485	

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VND (ĐÃ VAT) 2020	KÍCH THƯỚC	Kiểu	INPUT	OUTPUT
ĐỒNG HỒ VOLT/AMPERE - DIGITAL PANEL METER							
159	 M4W	M4N-DV-01	882.200	48 X 24	Tín hiệu áp DC		Hiển thị Volt DC, Ngưỡng đo: 199.9mV, 5VDC
160		M4W1P-AA/AV	3.307.000	96 X 48	Tín hiệu dòng, áp AC	Relay	Phím cơ, Đo Volt/ Ampere AC, 1 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC
161		M4W1P-DA/DV	3.307.000		Tín hiệu dòng, áp DC		Phím cơ, Đo Volt/ Ampere DC, 1 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC
162		M4W2P-AA/AV	4.385.000		Tín hiệu dòng, áp AC	2 ngõ Relay	Phím cơ, Đo Volt/ Ampere AC, 2 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC
163		M4W2P-DA/DV	4.385.000				Phím cơ, Đo Volt/ Ampere DC, 2 ngõ ra: Relay, 110/220 VAC
164		 M4Y	M4W-AA/AV	1.323.000	Tín hiệu dòng, áp AC	Loại chỉ hiển thị	Hiển thị Volt AC/ Ampe AC, 100-240 VAC
165			M4W-DA/DV	1.152.000			Tín hiệu dòng, áp DC
166			M4Y-AA/AV	1.323.000	Tín hiệu dòng, áp AC		Hiển thị Volt AC/ Ampe AC, 100-240 VAC
167			M4Y-DA/DV	1.152.000	Tín hiệu dòng, áp DC		Hiển thị Volt DC/ Ampe DC, 100-240 VAC
ĐỒNG HỒ VOLT/AMPERE - DIGITAL PANEL METER (Multi meter)							
168	 MT4W	MT4W-DA(V)-4N	1.310.000	96 X 48	Tín hiệu dòng, áp DC		Hiển thị Volt DC/Amp DC
169		MT4W-DA(V)-40	2.620.000			3Relay + 4-20mADC	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: 3 Relay + 4-20mADC
170		MT4W-DA(V)-41	2.262.000			3Relay	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: 3Relay
171		MT4W-DA(V)-42~49	2.620.000			NPN/PNP, RS485 Trans. DC4-20mA	Cài đặt Volt/Amp DC, ngõ ra: NPN/PNP, RS485, trans. DC4-20mA
172		MT4W-AA(V)-4N	1.366.000		Tín hiệu dòng, áp AC		Hiển thị Volt AC/Amp AC
173		MT4W-AA(V)-40	2.790.000			3R + 4-20mADC	Cài đặt Volt/Amp AC, ngõ ra: 3R + 4-20mADC
174		MT4W-AA(V)-41	2.401.000			3Relay	Cài đặt Volt/Amp AC, ngõ ra: 3Relay
175		MT4W-AA-42~49	2.790.000			NPN/PNP/ RS485/ Trans DC4-20mA	Cài đặt Volt/Ampe DC, ngõ ra: NPN/PNP/ RS485/ trans. DC4-20mA
176		MT4W-AV-42	2.695.000				
177		MT4W-AV-43	2.789.600				
178		MT4W-AV-44~45	2.695.000				
179		MT4W-AV-46	2.790.000				
180		MT4W-AV-47-49	2.695.000				
181		MT4Y-AA(V)-4N	1.423.000	72 X 36	Relay/ NPN-PNP/ 4-20mA/ RS485		Hiển thị Volt AC/ Ampe AC
182		MT4Y-DA(V)-4N	1.344.000				Hiển thị Volt DC/ Ampe DC
183		MT4Y-AA(V)-40~46	2.762.100				Ngõ ra: Relay/ NPN-PNP/ 4-20mA/ RS485
ĐỒNG HỒ ĐO TỐC ĐỘ - TACHOMETER/ PULSE METER							
184	 MP5W	MP5W-4N	1.993.000	96 X 48	Tín hiệu xung	Chỉ hiển thị	Chỉ hiển thị: RPM, m/min, Cycle, Passing time..
185		MP5W-41	2.953.000			Relay	Hiển thị 13 Chức năng, ngõ ra: Relay (H, Go, L)
186		MP5W-44~49	3.482.000			NPN	Hiển thị 13 Chức năng, ngõ ra: NPN, 4-20mA, RS485...
187		MP5M-42	3.552.000	72 x 72		Relay/NPN	Phím cơ, Hiển thị RPM, ngõ ra: Relay, NPN
188		MP5Y-4N	2.144.000	72 X 36		Chỉ hiển thị	Chỉ hiển thị: RPM, m/min, Cycle, Passing time..
189		M4Y-S-1	1.152.000				Hiển thị m/min, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 100-240 VAC
190		M4W-S-1	1.152.000	96 X 48			Hiển thị m/min, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 110/220 VAC
191		M4Y-T-1	1.152.000	72 X 36			Hiển thị RPM, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 100-240 VAC
192		M4W-T-1 (DC10V)	1.152.000	96 X 48			Hiển thị RPM, Input: DC0-10V (0 ~ 1999), 110/220 VAC
193		 M4Y	MP5S-4N	2.145.000			48 X 48
194	MP5W-4A		3.482.000	96 X 48	Relay	Hiển thị 13 Chức năng, ngõ ra: 5 Relay (HH, H, Go, L, LL)	

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI	
CẨM BIẾN TỪ - PROMIMTY SENSOR (LOẠI HÌNH TRỤ (TRÒN))						
1		PRT08-__DO/DC	470,000	Ø8mm	Tròn (2 dây) 12-24VDC, NO/NC	Khoảng cách phát hiện 1.5mm / 2mm
2		PRT12-__DO/DC	405,000	Ø12mm		Khoảng cách phát hiện 2mm / 4mm
3		PRT18-__DO/DC		Ø18mm		Khoảng cách phát hiện 5mm / 8mm
4		PRT30-__DO/DC		Ø30mm		Khoảng cách phát hiện 10mm/15 mm
5		PR08-__DN/DP	470,000	Ø8mm	Tròn (3 dây) Loại ngắn 12-24VDC, NPN/PNP	Khoảng cách 1.5mm / 2mm
6		PR12-__DN/DP	405,000	Ø12mm		Khoảng cách 2mm / 4mm
7		PR18-__DN/DP		Ø18mm		Khoảng cách 5mm / 8mm
8		PR30-__DN/DP		Ø30mm		Khoảng cách 10mm / 15mm
9		PRL08-__DN/DP	470,000	Ø8mm	Tròn (3 dây) Loại dài 12-24VDC, NPN/PNP	Khoảng cách 1.5mm / 2mm
10		PRL12-__DN/DP	441,000	Ø12mm		Khoảng cách 2mm / 4mm
11		PRL18-__DN/DP		Ø18mm		Khoảng cách 5mm / 8mm
12		PRL30-__DN/DP		Ø30mm		Khoảng cách 10mm / 15mm
13		PR12-__AO/AC	489,000	Ø12mm	Tròn (2 dây) 100-240 VAC, NO/NC	Khoảng cách 2mm/4mm
14		PR18-__AO/AC		Ø18mm		Khoảng cách 5mm/ 8mm
15		PR30-__AO/AC		Ø30mm		Khoảng cách 10mm/ 15mm
16		PRW08-__DN/DP	470,000	Ø8mm	Giắc cắm (Tròn) loại ngắn nối cáp, 12-24VDC	khoảng cách 1.5mm / 2mm
17		PRW12-__DN/DP	441,000	Ø12mm		Khoảng cách 2mm/4mm
18		PRW18-__DN/DP		Ø18mm		Khoảng cách 5mm/ 8mm
19		PRW30-__DN/DP		Ø30mm		Khoảng cách 10mm/ 15mm
20		PRWL08-1.5DN	1,118,000	Ø8mm	Giắc cắm (Tròn) loại dài nối cáp, 12-24VDC	khoảng cách 1.5mm
21		PRWL18-5DN/DP	453,000	Ø18mm		Khoảng cách phát hiện 5 mm
22		PRWL30-15DP	544,000	Ø30mm		Khoảng cách phát hiện 15 mm
CẨM BIẾN TỪ - PROMIMTY SENSOR (LOẠI HÌNH VUÔNG)						
23		PS12-__DN/DP	405,000	Ø12mm	Vuông (3 dây) 12-24VDC, NPN/PNP	Khoảng cách phát hiện 4mm
24		PSN17-__DN/DP	310,000	Ø17mm		Khoảng cách phát hiện 5mm / 8mm
25		PSN25-__5DN/DP	333,000	Ø25mm		Khoảng cách phát hiện 5mm
26		PSN30-__DN/DP	396,000	Ø30mm		Khoảng cách 10mm / 15mm
27		PSN40-__DN/DP	520,000	Ø40mm		Khoảng cách phát hiện 20mm
28		PSNT17-5DO	310,000	Ø17mm	Vuông (2 dây) 12-24VDC,	Khoảng cách phát hiện 5 mm
29		PSNT17-5DC	310,000			
30		PSN25-5AO	441,000	Ø25mm	Vuông (2 dây) 100-240 VAC, NO/NC	Khoảng cách phát hiện 5mm, NC
31		PSN25-5AC	476,000			Khoảng cách phát hiện 5mm, NO
32	PSN30-__AO/AC	489,000	Ø30mm	Khoảng cách phát hiện 10mm/15mm		
33	PSN40-20AO/AC	785,000	Ø40mm	Khoảng cách phát hiện 20mm		
34		AS80-50DN3/DP3	1,866,000	Ø80mm	4 dây 12-24VDC	Khoảng cách phát hiện 50mm
35		PS50-30DP/DN	833,000	Ø50mm	3 dây 12-24VDC	Khoảng cách phát hiện 30 mm
36		PFI25-8DN/DP	441,000	Ø25mm	12-24VDC, 3 dây	Khoảng cách phát hiện 8mm (Loại đẹp)
37		PFI25-8AO	668,000		110- 240VDC,	

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI	
CẢM BIẾN TIỆM CẬN HÌNH TRỤ LOẠI CÓ GIẮC CẮM						
38		PRCM12-__DN/DP	441,000	Ø12mm	Tròn (3 dây)	Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 2mm / 4mm
39		PRCM18-__DN/DP		Ø18mm		Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 5mm / 8mm
40		PRCM30-__DN/DP	520,000	Ø30mm		Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 10mm / 15mm
41		PRCML18-__DN/DP	489,000	Ø18mm	Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 5mm / 8mm	
42		PRCMT12-__DO/DC	441,000	Ø12mm	2 dây	Sử dụng cáp nối, Khoảng cách 2mm / 4mm
CÁP NỐI CÓ GIẮC CẮM						
43		CID2-2	162,000	Cáp nối có giắc cắm dây 2m	2 dây	Cáp nối thẳng
44		CID3-2	162,000		3 dây	Cáp nối thẳng
45		CLD3-2	162,000			Cáp nối loại L
46		C1D4-2	279,000		dài 2m	Cáp nối loại 2 đầu nối thẳng
47		C2D4-2	279,000			Cáp nối loại 2 đầu nối hình L
CẢM BIẾN ĐIỆN DUNG - CAPACITY SENSOR						
48		CR18-8DN/DP/DN2	614,000	Ø18mm	Tròn (3 dây) 12-24 VDC	Khoảng cách phát hiện 8mm (NPN-NO)/(PNP-NO)/ (NPN-NC)
49		CR30-15DN/DP/DN2	742,000	Ø30mm		Khoảng cách phát hiện 15mm (NPN-NO)/(PNP-NO)/ (NPN-NC)
50		CR18-8AO/AC	742,000	Ø18mm	Tròn (2 dây) 100-240 VDC	Khoảng cách phát hiện 8mm
51		CR30-15AO/AC	866,000	Ø30mm		Khoảng cách phát hiện 15mm
CẢM BIẾN ĐIỆN QUANG - PHOTOELECTRIC SENSOR						
52		BEN300-DFR	1,095,000	W18x H50xL50mm	loại phản xạ khúc xạ (30mm)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
53		BEN300-DDT	978,000			Ngõ ra: NPN/PNP, 12-24 VDC
54		BEN3M-PFR	1,091,000		loại phản xạ gương (3m)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
55		BEN3M-PDT	1,049,000			Ngõ ra: NPN/PNP, 12-24 VDC
56		BEN5M-MFR	1,022,000		loại phản xạ gương (5m)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
57		BEN5M-MDT	979,000			Ngõ ra: NPN/PNP, 12-24 VDC
58		BEN10M-TFR	1,324,000		Thu phát riêng (10m)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
59		BEN10M-TDT	1,142,000			Ngõ ra: NPN/PNP, 12-24 VDC
60		BX700-DDT	1,119,000	W25x H26xL80mm	Loại phản xạ khếch tán (700mm)	Ngõ ra: NPN/PNP , 12-24.VDC
61		BX700-DDT-T	1,352,000			Ngõ ra: NPN/PNP , Timer trễ, 12-24 VDC
62		BX700-DFR	1,284,000			Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC
63		BX700-DFR-T	1,374,000			Ngõ ra: Relay , Timer trễ, 24-220 VAC
64		BX5M-MFR	1,284,000		Phản xạ gương (5m)	Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
65		BX5M-MFR-T	1,374,000			Ngõ ra: Relay , Timer trễ, 24-220 VAC
66		BX15M-TDT	1,212,000		Thu phát riêng (15M)	Ngõ ra: NPN/PNP , 12-24.VDC
67		BX15M-TDT-T	1,445,000			Ngõ ra: NPN/PNP , Timer trễ, 12-24 VDC
68		BX15M-TFR	1,492,000			Ngõ ra: Relay , 24-240 VAC/24-240 VDC
69		BX15M-TFR-T	1,609,000			Ngõ ra: Relay , Timer trễ, 24-220 VAC

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI	
70		BF3RX	909,700	W15x H39xL70m	Sử dụng cáp quang	ngõ ra: NPN, chỉnh tay, 12-24 VDC
71		BF4R	1,282,600	W12x H33xL62m m		Sử dụng cáp quang, ngõ ra: NPN, chế độ dạy khoảng cách phát hiện (teaching mode), 12-24 VDC
72		BF4RP				
73		BM200-DDT	909,000	W16xH28x L52	Thu phát chung 200M	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 200mm
74		BM1M-MDT			Phản xạ gương	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 1m
75		BM3M-TDT			Thu phát riêng	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 3m
76		BMS300-DDT/P	1,072,000		Thu phát chung	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 300mm
77		BMS2M-MDT/P			Phản xạ gương	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 2m
78		BMS5M-TDT/P			Thu phát riêng	ngõ ra: NPN, 12-24VAC, khoảng cách phát hiện 5m
79		BRQM100-DDTA	1,120,000	Hình trụ M18	Thu phát chung (12-24 VDC) ngõ ra: NPN/PNP	(thân kim loại),khoảng cách phát hiện 100mm Thay thế BR100-DDT
80		BRQP100-DDTA	1,087,000			(thân nhựa),khoảng cách phát hiện 100mm Thay thế BRP100-DDT
81		BR400-DDT/P	1,120,000			(thân kim loại), khoảng cách phát hiện 400mm
82		BRQP400-DDTA	1,087,000			(thân nhựa), khoảng cách phát hiện 400mm. Thay thế BRP400-DDT
83		BRQM5M-TDTA	1,380,000		Thu phát riêng (12-24 VDC) ngõ ra: NPN/PNP Vỏ kim loại	khoảng cách phát hiện 4m, Light On/ Dark On.
84		BRQM5M-TDTA	1,380,000			khoảng cách phát hiện 4m, Light On/ Dark On.
85		BRQM20M-TDTA	1,306,000			khoảng cách phát hiện 20m, Light On/ Dark On.
86		BRQM20M-TDTA-C	1,306,000			khoảng cách phát hiện 20m, Light On/ Dark On.
87		BUP-30/P	955,000	Hình dạng chữ U	ngõ ra NPN/PNP	Khoảng cách 30mm
88		BUP-30S/P	1,026,000			Khoảng cách 30mm, điều chỉnh được
89		BUP-50/P	1,003,000			Khoảng cách 50mm
90		BUP-50S	1,072,000			Khoảng cách 30mm, điều chỉnh được
91		BUP-50S-P	1,072,000			Khoảng cách 30mm, ngõ ra NPN, điều chỉnh được
CẢM BIẾN CỬA TỰ ĐỘNG						
91		ADS-AF	1,818,000	W26xH60xL224mm		cảm biến cửa tự động, khoảng cách 3m, (mức 24 VAC)
92		ADS-AE	1,818,000			cảm biến cửa tự động, khoảng cách 3m, (mức 220 VAC)
93		ADS-SE	1,561,000	(W77 x L30 x H44mm)		Khoảng cách phát hiện dài: 0 ~ 10m, 12- 24VAC/DC
CÁP SỢI QUANG						
94		FTS-320-05	757,000	L=2m (dùng cho cảm biến sợi quang)	SUS, 2 sợi	Khoảng cách đọc 150mm
95		FT-420-10	453,000		2 sợi	Khoảng cách 500mm
96		FD-320-05	453,000		1 sợi đôi	Khoảng cách đọc 150mm
97		FD-620-10	453,000			Khoảng cách 120mm
98		FDS-620-10	578,000		SUS,1 sợi đôi	Khoảng cách đọc 40mm
99		FDS-320-05	578,000			
100		FDCS-320-05	578,000		1 sợi đôi	

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI	
CẢM BIẾN ĐIỆN QUANG - PHOTOELECTRIC SENSOR						
101		BYD30-DDT-T	769,000	W12xH32x L18mm	Loại nhỏ, thu phát chung	Khoảng cách phát hiện 30mm, ngõ ra: NPN, timer trễ
102		BYD100-DDT	816,000			Khoảng cách phát hiện 100mm, ngõ ra: NPN
103		BYD3M-TDT/P	1,165,000		Loại nhỏ, thu phát riêng,	Khoảng cách phát hiện 3M, ngõ ra: NPN/ PNP
104		BYS500-TDT1,2	769,000			Loại nhỏ, thu phát riêng, khoảng cách phát hiện 500mm, ngõ ra: NPN/ PNP
105		BMS2M-MDT	909,000	W16xH55x L29mm	Phản xạ gương	Khoảng cách phát hiện 2M, ngõ ra: NPN/PNP
106		BMS2M-MDT-P				
107		BMS5M-TDT	1,072,000		Thu phát riêng	Khoảng cách phát hiện 5M, ngõ ra: NPN/PNP
108		BMS5M-TDT-P				
109		BPS3M-TDT/P				
110		BA2M-DDT	1,165,000	W19xH16x L49mm	Loại nhỏ, thu phát	Khoảng cách phát hiện 2M, ngõ ra: NPN
111		BJ15M-TDT/P	1,357,000	W11xH32x L20	Loại nhỏ, thu phát riêng	Khoảng cách phát hiện 15M, ngõ ra: NPN/ PNP
112		BJ10M-TDT/P	1,236,000			Loại nhỏ, thu phát riêng, khoảng cách phát hiện 10M, ngõ ra: NPN/ PNP
113		BJ1M-DDT/P	1,066,000		Thu phát chung	Khoảng cách phát hiện 1M, ngõ ra: NPN/PNP
114		BJ3M-PDT-P	1,163,000		Phản xạ gương	Khoảng cách phát hiện 3M, ngõ ra: PNP
115		BJ300-DDT/P	1,018,000		Thu phát chung	Khoảng cách phát hiện 30mm, ngõ ra: NPN/PNP
116		BF5R-D1-N	2,407,900		12-24VDC ±10%(sóng P-P. max. 10%)	Hiển thị kép, LED 7 đoạn 4 số Light ON/Dark ON
117		BF5R-D1-P				
118		BF5R-S1-N	2,052,600			
119		BF5R-S1-P				
120		BS5-K2M	186,000	Hình K	12-24VDC	Loại mini, NPN-NO
121		BS5-T2M		Hình T		
122		BS5-L2M		Hình L		
123		CT-01	46,000			Phụ kiện cho cảm biến quang BS5
124		CT-02	139,000			
125		CT-02(2M)	147,000			
126			MS-2	109,000	W40xH60	
CẢM BIẾN VÙNG - AREA SENSOR						
127		BW20-08-(P)	5,650,000	L=160mm	12-24 VDC±10% ngõ ra NPN/PNP	8 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 140mm
128		BW20-12-(P)	7,760,000	L=240mm		12 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 220mm
129		BW20-16-(P)	9,894,000	L=320mm		16 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 300mm
130		BW20-20-(P)	12,004,000	L=400mm		20 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 380mm
131		BW20-40-(P)	22,602,000	L=800mm		40 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 780mm
132		BWP20-08-(P)	4,680,000	L=160mm		8 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 140mm
133		BWP20-12-(P)	5,528,000	L=240mm		12 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 220mm
134		BWP20-16-(P)	6,377,000	L=320mm		16 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 300mm
135		BWP20-20-(P)	7,226,000	L=400mm		20 cặp mắt, khoảng cách phát hiện 380mm

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI	
CẢM BIẾN ÁP SUẤT - PRESSURE SENSOR						
136		PSA-01-RC1/8	2.151.000	W30xH30mm	Ngõ ra:	-0.5~110.0kPa
137		PSA-1-RC1/8			NPN/PNP,	-50~1100kPa
138		PSA-V01-RC1/8			analog1-	5.0~101.3kPa
139		PSA-C01-RC1/8			5VDC	-101.3~110kPa
140		PSO-01	139.000	Phụ kiện		Nắp bảo vệ mặt trước của PSA
141	PSO-02	93.000			Giá đỡ sau PSA	
BỘ ĐIỀU KHIỂN SENSOR - SENSOR CONTROLLER						
142		PA-12	443.000	W38xH76xL82mm		Ngõ vào: 1 Sensor, 1 ngõ ra: 250VAC 3A
143		PA10-U	1.259.000			Ngõ vào: 2 Sensor, 1 ngõ ra: 250VAC 3A, timer
144		PA10-V/P	1.165.000			Ngõ vào: 2 Sensor, NPN/PNP 1 ngõ ra: 250VAC 3A
145		PA10-W/P				Ngõ vào: 2 Sensor, NPN/PNP 2 ngõ ra: 250VAC 3A
BỘ NGUỒN DC						
146		SP-0305	606.000	W38xH85xL65mm	3W nguồn cấp	Ngõ ra: 5V, 0.6A
147		SP-0312				Ngõ ra: 12V, 0.25A
148		SP-0324			100-240VAC	Ngõ ra: 24V, 0.13A
149		SPA-030-05	1.236.000	W97xH40xL120mm	3W nguồn cấp	Ngõ ra: 5V, 6A
150		SPA-030-12				Ngõ ra: 12V, 2.5A
151		SPA-030-24			100-240VAC	Ngõ ra: 24V, 1.5A
152		SPA-050-05	1.506.000	W97xH40xL120mm	50W nguồn cấp	Ngõ ra: 5V, 10A
153		SPA-050-12				Ngõ ra: 12V, 4.2A
154		SPA-050-24			100-240VAC	Ngõ ra: 24V, 2.1A
155		SPA-075-05	2.199.000	W97xH40xL160mm	75W nguồn cấp	Ngõ ra: 5V, 15A
156		SPA-075-12				Ngõ ra: 12V, 6.3A
157		SPA-075-24			100-240VAC	Ngõ ra: 24V, 3.2A
158		SPA-100-05	2.372.000	W97xH40xL160mm	100W nguồn cấp	Ngõ ra: 5V, 20A
159		SPA-100-12				Ngõ ra: 12V, 8.5A
160		SPA-100-24			240VAC	Ngõ ra: 24V, 4.2A
BỘ GIẢI MÃ MÃ VÒNG QUAY - ROTARY ENCODER						
161		E40S6-1~300-3-T/N-24	1.781.000	Ø40mm, cốt 6mm	Nguồn 24V DC	1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng
162		E40S6-360-3-N-24	2.110.000			400, ... ,1000, 1024, 1800 xung/ vòng
163		E40S6-400~1800-3-N	2.122.000			400, ... ,1000, 1024, 1800 xung/ vòng
164		E40S6-2000~3600-3-	2.332.000			2000, 2048, 2500, 3000,3600, 3600 xung/ vòng
165		E40S6-5000-3-	2.809.000			5000 xung/ vòng,
166		E40S6-1~300-6-L-5	2.122.000		Nguồn 5V DC	1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng
167		E40S6-360~1800-6-L-5	2.332.000			360, 400, ... , 1500, 1800 xung/ vòng
168		E40S6-2000~3600-6-L-5	2.507.000			2000, 2048, 2500, 3000,3600, 3600 xung/ vòng
169		E40S6-5000-6-L-5	3.436.000			5000 xung/ vòng

Lưu ý: Đối với mã hàng Encorder, Quý khách hàng vui lòng gọi kiểm tra lại giá trước khi báo giá cho khách hàng.

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI	
BỘ GIẢI MÃ VÒNG QUAY - ROTARY ENCODER						
170		E50S8-1~300-3-NT-24	1.956.000	Ø50mm, cốt 8mm	Nguồn 24V DC	1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng
171		E50S8-360~600-3-NT-24	2.248.000			360,400, ... xung/ vòng
172		E50S8-1000~1800-3-NT-24	2.383.000			1000, 1024, 1800 xung/ vòng
173		E50S8-5000-3-N-24	3.211.000			5000 xung/ vòng
174		E50S8-5000-3-N-24-C	3.435.000			6000 xung/ vòng
175		E50S8-6000-3-N-24	3.406.000		8000 xung/ vòng	
176		E50S8-8000-3-N-24	3.587.000		nguồn 5 V	1, 2,... 100, ... 200, ... 300 xung/ vòng
177		E50S8-1~300-6-L-5	2.383.000			360,.....,600 xung/ vòng
178		E50S8-360~600-6-L-5	2.604.000			1000,2000...3000,3600 xung/ vòng
179		E50S8-1000~3600-6-L-5	2.759.000			Nguồn 24V DC
180	E50S8-1800~3600-3-NT-24	2.383.000				
181	E50S8-2000~3600-3-NT-24	2.383.000	6000 xung/ vòng			
182	E50S8-1800~3600-3-NT-24-C	2.608.000	8000 xung/ vòng			
183	E50S8-2000~3600-3-NT-24-C	2.608.000	10~ ...300 xung/ vòng			
184	E50S8-6000-6-L-5	3.813.000	Ø40mm, lỗ 8mm	Nguồn 24V DC	10~ ...300 xung/ vòng	
185	E50S8-8000-6-L-5	3.990.000			360,400, ... 600, ... 1000, ... 1800 xung/ vòng	
186	E40H8-10~300-3-N-24	2.122.000			2000,2500....3600 xung/ vòng	
187	E40H8-300-3-NT-24	2.122.000			5000 xung/ vòng	
188	E40H8-360~1800-3-NT-24	2.283.000			Nguồn 5V DC	10~ ...300 xung/ vòng
189	E40H8-2000~3600-3-NT-24	2.383.000	360,400, ... 600, ... 1000, ... 1800 xung/ vòng			
190	E40H8-5000-3-NT	3.211.000	2000,2500....3600 xung/ vòng			
191	E40H8-10~300-6-L-5	2.383.000	5000 xung/ vòng			
192	E40H8-360~1800-6-L-5	2.459.000	Ø68mm cốt 15mm	Nguồn 24V DC		1024 xung/ vòng
193	E40H8-2000~3600-6-L-5	2.533.000			60, 75, 100, ..., 360, 400, 500, 512 xung/ vòng	
194	E40H8-5000-6-L-5	3.738.000			1024 xung/ vòng	
195	E68S15-1024-6-L-5	4.239.000			1025 xung/ vòng	
196	E80H30-60~512-3-	3.813.000			Encoder tuyệt đối, 1024 xung/ vòng	
197	E80H30-1024-3-NT-24	5.047.000	Ø80mm lỗ 30mm	Nguồn 24V DC	Loại 8 điểm chia, 12 điểm chia ...	
198	E100H35-512~1024-3-	6.874.000	Ø100mm lỗ 35mm			
199	EP58SC10-1024-2F-P-24	4.992.000	Ø58mm trục 10mm			
200	EP50S8-	2.835.000	Ø50mm cốt 8mm			
201		ENC-1-*. *-24	2.257.000	Ø60mm	2 bánh xe	Loại bánh xe đo đơn vị (m, cm, mm, yard)/xung
202		ENC-1-*. *-24-C	2.482.000			
203		ENP-	5.047.000		loại trực	Absolute: định vị trí, ngõ ra logic âm/ dương
204		EC-1	97.000	6mm	Khớp nối mềm	Khớp nối Encoder
205		EC-2	97.000	8mm		
206		EC-3	97.000	10mm		

Lưu ý: Đối với mã hàng Encoder, Quý khách hàng vui lòng gọi kiểm tra lại giá trước khi báo giá cho khách hàng.

THIẾT BỊ ĐIỆN

STT	HÌNH ẢNH	MÃ HÀNG	ĐƠN GIÁ VNĐ (ĐÃ VAT)	KÍCH THƯỚC	DIỄN GIẢI	
BỘ LẬP TRÌNH						
206		A41K-M599	7,649,000			Motor bước
207		A4K-M564	2,844,000			
208		A4K-M564-B	5,223,000			
209		A4K-M564W	2,891,000			
210		A8K-M566	2,985,000			
211		A16K-M569	3,941,000			
212		A16K-M569-B	6,319,000			Motor bước, 5phase, 1.4A/phase
213		A200K-M599W-G7.2	11,986,000			Bộ điều khiển motor bước
214		A50K-M566-G10	7,649,000			Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng RS232
215		PMC-2B-ISA	17,979,000			Bộ lập trình 2 trục, gắn trực tiếp vào máy tính
216		PMC-4B-PCI	26,980,000			Bộ lập trình 4 trục, gắn trực tiếp vào máy tính
217		PMC-1HS-232	8,091,000			Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng RS232
218		PMC-1HS-USB	8,557,000			Bộ lập trình 1 trục giao tiếp qua cổng USB
219		PMC-2HS-232	9,444,000			Bộ lập trình 2 trục giao tiếp qua cổng RS232
220		PMC-2TU-232	3,381,000			
KHỐI HIỂN THỊ LED - 7 SEGMENT DISPLAY UNIT						
221		D1SC-N	1,344,000	72x96		Kích thước chữ 31.9 x 56.9
222		D1SA-_N	512,000	20x33		Kích thước chữ 11 x 20
223		DAR(L)-	23,000			Má chặn cửa D1SA/ D1AA
224		CT-10S	70,000			Jack nối cửa D1SA/ D1AA